

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Bé T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Tân Th, xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn Z, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Tân Th1, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bé T và anh Nguyễn Văn Z.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:*

Anh Nguyễn Văn Z được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 12/11/2012

Chị Lê Thị Bé T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị Lê Thị Bé T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Văn T1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1/2 mức lương cơ bản do nhà nước quy định (hiện tại mức lương cơ bản do nhà nước quy định 01 tháng là 1.390.000 đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Z có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Bé T chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*:

Chị Lê Thị Bé T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 49012 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Văn Z không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Tân Th ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc H